TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2023
V/v: "Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.

2. Bà Dương Triết M.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Bùi Phương A - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2022/TLST-DS ngày 08/12/2022 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX-DS ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: số 18, đường T, xã M, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Hoàng M - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T , tỉnh A .

Địa chỉ liên lạc: 453, đường N, khóm Đ, thị trấn N, huyện T , tỉnh A . (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

2. Bị đơn:

- Bà Từ Thị Mộng T , sinh năm 1980.

Đăng ký thường trú: ấp V , xã Vĩnh T , huyện T , tỉnh A .

Địa chỉ liên lạc: khóm N , thị trấn N , huyện T , tỉnh A .

- Ông Huỳnh Trung H , sinh năm 1976.

Địa chỉ: khóm N , thị trấn N , huyện T , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Trung H là: bà Từ Thị Mộng T , sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp V , xã Vĩnh T , huyện T , tỉnh A . (Văn bản ủy quyền ngày 17/02/2023).

(Tại phiên tòa có mặt: ông Phan Hoàng Minh, bà Từ Thị Mộng T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 16/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng N (do ông Phan Hoàng M, đại diện) trình bày:

Ngày 17/7/2019, bà Từ Thị Mộng T và ông Huỳnh Trung H có đến Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T ký Hợp đồng tín dụng số 6710-LAV-201902030 để vay số tiền 230.000.000 đồng. Mục đích vay để mua sắm vật dụng gia đình. Lãi suất vay 13%/năm (áp dụng lãi suất có điều chỉnh), lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay: 84 tháng, định kỳ trả gốc, lãi hàng tháng vào ngày 15; hạn trả cuối cùng ngày 17/07/2026. Khi vay tiền, bà T và ông H không có thế chấp tài sản cho Ngân hàng.

Sau khi vay bà T và ông H chỉ trả được tổng số tiền gốc, lãi là 92.885.652 (gốc 82.776.000 đồng, lãi 10.109.652 đồng) thì ngưng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ bà T , ông H để yêu cầu trả gốc, lãi nhưng bà T , ông H vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng N yêu cầu bà Từ Thị Mộng T , ông Huỳnh Trung H phải liên đới trả tất số nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2023 là: 227.817.196 đồng (gốc là 147.234.000 đồng, lãi là 80.583.196 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại tờ tự khai ngày 18/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Từ Thị Mộng T trình bày: bà T thừa nhận vợ chồng bà có đến Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T ký vay 230.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6710-LAV-201902030 ngày 17/07/2019. Mục đích vay: mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Thời hạn vay: 84 tháng, định kỳ trả gốc, lãi hàng tháng vào ngày 15; hạn trả cuối cùng ngày 17/07/2026. Lãi suất cho vay 13%/năm. Khi vay tiền, bà T và ông H không thế chấp tài sản. Sau khi vay, bà T , ông H đã trả cho Ngân hàng tổng số 92.875.652 (gốc 82.776.000 đồng, lãi 10.109.652 đồng) thì ngưng cho đến nay.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu bà T , ông H liên đới trả số nợ gốc, lãi là 227.817.196 đồng (gốc là 147.234.000 đồng, lãi 80.583.196 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ thì bà T đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, không có khả năng trả một lần nên xin được trả mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi hết nợ và yêu cầu Ngân hàng không tính lãi phát sinh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Từ Thị Mộng T , ông Huỳnh Trung H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền gốc, lãi tính đến ngày 28/3/2023 là 227.817.196 đồng (gốc 147.234.000 đồng, lãi 80.583.196 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

+ Bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa Ngân hàng với bà Từ Thị Mộng T , ông Huỳnh Trung H là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà T , ông H có địa chỉ tại thị trấn N , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Huỳnh Trung H vắng mặt tại phiên tòa nhưng người đại diện tham gia phiên tòa. Xét, việc ủy quyền này đúng với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Ngân hàng N khởi kiện để yêu cầu bà Từ Thị Mộng T , ông Huỳnh Trung H có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2023 là 227.817.196 đồng (gốc 147.234.000 đồng, lãi 80.583.196 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, bà T và ông H có đến Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T ký Hợp đồng tín dụng số 6710-LAV-201902030 ngày 17/7/2019, để vay số tiền 230.000.000 đồng. Mục đích vay là

mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay: 84 tháng, định kỳ trả gốc, lãi hàng tháng vào ngày 15; hạn trả cuối cùng ngày 17/07/2026; lãi suất vay 13%/năm, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn. Từ khi vay đến nay bà T , ông H không thực hiện trả nợ theo đúng phân kỳ của Ngân hàng mà chỉ trả tổng số tiền gốc, lãi là 92.885.652 (gốc 82.776.000 đồng, lãi 10.109.652 đồng) rồi ngưng cho đến nay.

[5] Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa Ngân hàng với bà T , ông H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398, 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Bà T , ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu bà T , ông H liên đới trả số tiền gốc và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Từ Thị Mộng T , ông Huỳnh Trung H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2023 là 227.817.196 đồng (gốc 147.234.000 đồng, lãi 80.583.196 đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T , ông H bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 119, 398, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N .

1.1. Buộc bà Từ Thị Mộng T và ông Huỳnh Trung H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T , tỉnh A , đại diện nhận) tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2023 là 227.817.196 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm mười bảy nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Từ Thị Mộng T , ông Huỳnh Trung H phải chịu chung 11.390.860 đồng (mười một triệu, ba trăm chín mươi nghìn, tám trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 5.115.884 đồng (năm triệu, một trăm mười lăm nghìn, tám trăm tám mươi bốn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0011386, ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (do Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T , tỉnh A đại diện nhận).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H